

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ GẠO  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 248/2019/DS - ST

Ngày: 22/8/2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phan Thanh Bình**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**Bà Nguyễn Thị Thùy Trang.**

**Ông Nguyễn Trung Trực.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Dương Kim Cương** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Bà **Lý Nguyễn Huyền Trang** – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2019/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2019/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 224/2019/QĐST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: **Trần Thị Đ**, sinh năm 1966.

Trú tại: số 257, Ô1, khu 3, thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

\* Bị đơn: **Nguyễn Lê N**, sinh năm 1980.

HKTT: ấp An Khương, xã An Thạnh Thủy, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ liên lạc: ấp Bình Thọ Trung, xã Bình Phan, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang

*(Chị Đẹp, anh Nam đều vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Đẹp trình bày:

Ngày 29/9/2018, anh N có vay số tiền 315.000.000đồng, anh N tự tay viết biên nhận và ký tên đã nhận số tiền nêu trên, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng (thỏa thuận bằng lời nói, không ghi trong biên nhận). Hai bên không thỏa thuận thời gian trả nợ, khi nào cần chị sẽ đòi. Tuy nhiên từ ngày vay tiền đến nay, anh N không trả cho chị bất kỳ khoản tiền vốn, lãi nào. Chị đã đòi nhiều lần nhưng

anh N cứ hẹn lần hẹn lượt, không trả tiền cho chị. Đến ngày 13/02/2019, anh N có viết giấy cam kết hứa ngày 30/01/2019 âm lịch sẽ trả đủ số tiền 315.000.000đồng nhưng anh vẫn không thực hiện đúng theo cam kết. Đến ngày 11/4/2019, anh N tiếp tục viết cam kết hứa sẽ trả số tiền 315.000.000đồng theo phương thức:

Trong thời hạn 03 tuần (từ ngày 11/4/2019), anh N sẽ trả cho chị số tiền 140.000.000đồng. Số tiền còn lại 175.000.000đồng, anh N sẽ trả cho chị mỗi tháng 5.000.000đồng cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên, anh N vẫn không thực hiện.

Nay, chị khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Lê N trả số tiền 315.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

\* Tại biên bản ghi lời khi ngày 07/6/2019, anh N trình bày:

Anh thừa nhận có vay chị Đ số tiền 140.000.000đồng, vay nhiều lần, chị Đẹp tính lãi 20% trên số tiền vay, do không có tiền trả lãi nên chị Đẹp đã tính cộng dồn nhiều lần lên đến số tiền 315.000.000đồng nhưng thực tế chỉ có 140.000.000đồng tiền gốc, còn lại là tiền lãi, anh vay thời điểm nào không nhớ rõ. Đối với tờ giấy nợ của số tiền 315.000.000đồng, anh mới viết gần đây khoảng hơn một tháng. Trước đây, chị Đ có thỏa thuận cho anh trả tiền gốc trước 140.000.000đồng, còn lại tiền lãi trả dần hàng tháng 5.000.000đồng cho đến khi hết nợ nhưng đến nay anh vẫn chưa trả.

Nay, anh xin trả tiền nợ gốc 140.000.000đồng xin trả hàng tháng cho đến khi hết nợ vì hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, không có khả năng trả một lần theo yêu cầu chị Đ. Đối với số tiền còn lại là tiền lãi thì anh xin không trả do trước đây anh đã trả lãi nhiều rồi, anh trả khoảng 80.000.000đồng, khi trả lãi anh không có làm giấy tờ.

***\* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:***

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị Đ có đơn xin vắng mặt phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Đ.

Bị đơn anh Nguyễn Lê N vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với anh N.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa chị Trần Thị Đ, anh Nguyễn Lê N là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Đep là có cơ sở, bởi lẽ giữa chị Đ, anh N có xác lập hợp đồng vay tài sản với chứng cứ là giấy mượn tiền ngày 29/9/2018 với nội dung: “ Tôi tên Nguyễn Lê N, sinh năm 1980, địa chỉ: ấp An Khương, xã An Thạnh Thủy ngày 29/9/2018, tôi có mượn chị Trần Thị Đ, sinh năm 1966, cư ngụ số 257, Ô1, khu 3, thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, TG số tiền 315.000.000đồng (Ba trăm mười lăm triệu đồng)” do anh N viết và ký tên. Đồng thời ngày 13/02/2019, anh có cam kết trả cho chị Đ số tiền 315.000.000đồng vào ngày 30/01/2019 âm lịch và cam kết ngày 11/4/2019, anh N cam kết trả số tiền 315.000.000đồng với hình thức: trong thời hạn 03 tuần sẽ hoàn trả số tiền 140.000.000đồng, còn lại 175.000.000đồng hàng tháng anh gửi cho chị Đ 5.000.000đồng đến khi nào đủ số tiền 175.000.000đồng nhưng đến nay anh vẫn không thực hiện. Do anh N vi phạm thỏa thuận, vi phạm thời gian trả nợ cho chị Đ làm thiệt thòi quyền và lợi ích hợp pháp của chị.

Anh N vắng mặt xem như từ bỏ quyền chứng minh của mình đối với số tiền mà chị Đ khởi kiện. Tuy nhiên, tại biên bản ghi lời khai ngày 07/6/2019, anh cho rằng, anh có nợ chị Đ số tiền 140.000.000đồng, vay nhiều lần, chị Đ tính lãi 20% trên số tiền vay, do không có tiền trả lãi nên chị Đ đã tính cộng dồn nhiều lần lên đến số tiền 315.000.000đồng nhưng thực tế chỉ có 140.000.000đồng tiền gốc, còn lại là tiền lãi nhưng anh thừa nhận khi trả lãi không có làm giấy tờ cũng như anh không có chứng cứ chứng minh số tiền 175.000.000đồng là tiền lãi.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định anh Nguyễn Lê N nợ chị Trần Thị Đ số tiền 315.000.000đồng đồng và anh N có nghĩa vụ trả cho chị Đ số tiền nêu trên khi án có hiệu lực pháp luật phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều Điều 463, Điều 466, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Đ**

Buộc anh Nguyễn Lê N có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị Đ số tiền 315.000.000đồng (*Ba trăm mười lăm triệu đồng*). Thời gian trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Đ cho đến khi thi hành án xong, anh Nam còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

**\* Về án phí dân sự sơ thẩm:**

+ Anh Nguyễn Lê N phải chịu số tiền 15.750.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn lại cho chị Trần Thị Đ số tiền tạm ứng án phí 7.875.000đồng theo biên lai thu số 0002586 ngày 23/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm, đối với anh N, chị Đ kháng cáo tính từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Phan Thanh Bình**



**Về nội dung:** Tại phiên tòa, chị Huyền xin ly hôn, nguyên nhân do anh Tiến có nhiều bất đồng trong cuộc sống vợ chồng, anh Tiến bảo chị nghỉ việc ở Sài Gòn về quê bên nhà của anh Tiến để làm, anh Tiến bỏ chị ra ngoài sống riêng 02 lần, không cần sự đồng ý của chị. Ngoài ra, chị và anh Tiến hay cãi vã, gây gổ về vấn đề tiền bạc. Từ tháng 10/2016 đến nay anh Tiến đã bỏ chị về sống với cha mẹ anh, không còn quan tâm gì đến chị nữa nên anh chị đã ly thân từ tháng 10/2016 đến nay. Nay, chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, chị và anh Tiến không còn tình cảm với nhau, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Tiến. Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa, anh Tiến thừa nhận mâu thuẫn chị Huyền trình bày là có nhưng do vợ cố chấp, vợ tự động bắt con đi mà không hỏi ý kiến của ai, anh bỏ đi 03 lần là để vợ nhận ra cái sai của mình.

Xét thấy mâu thuẫn ban đầu không lớn nhưng anh chị không khắc phục được để kéo dài làm ảnh hưởng đến hạnh phúc vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được nên anh chị đã ly thân từ tháng 10/2016 đến nay, anh Tiến thừa nhận những mâu thuẫn mà chị Huyền trình bày là có nhưng anh không có biện pháp hàn gắn tình cảm, trong thời gian ly thân cũng như trong thời gian Tòa án hòa giải đoàn tụ, anh cũng không chủ động hàn gắn với chị Huyền. Hơn nữa, trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ cũng không có kết quả. Anh Tiến không đồng ý ly hôn, anh đưa ra thời gian để hàn gắn đến cuối năm 2017 nhưng với điều kiện chị Huyền thay đổi thì anh sẽ thay đổi. Lời trình bày nêu trên cho thấy anh Tiến cho thấy anh không còn tha thiết gì đến tình cảm vợ chồng cũng như hạnh phúc gia đình. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Huyền yêu cầu ly hôn với anh Tiến là hoàn toàn có căn cứ cần được chấp nhận phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

**Về con chung:** Anh chị có 01 con chung tên Đinh Ngọc Quỳnh Chi, sinh ngày 18/3/2015 hiện đang sống với anh Tiến, ông Tửu, bà Nga. Ly hôn, chị Huyền yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Chi; không yêu cầu anh Tiến cấp dưỡng nuôi con. Anh Tiến cũng yêu cầu được nuôi cháu Chi; không yêu cầu chị Huyền cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu được nuôi con của chị Huyền là có cơ sở bởi cháu Quỳnh Chi, sinh ngày 18/3/2015 đến nay cháu mới hơn 02 tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*. Mặt khác, Hội đồng xét xử cũng xem xét đến điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Chi của anh chị cũng như có xem xét đến hoàn cảnh, môi trường sống của cháu Chi để xét yêu cầu nuôi con của anh Tiến, chị Huyền. Từ nhận định nêu

trên, cần giao cháu Quỳnh Chi cho chị Huyền nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

Tuy nhiên, cháu Quỳnh Chi hiện đang sống với anh Tiến, vì công việc nên ông Đình Văn Tửu và bà Nguyễn Thị Nga là ông bà nội của cháu trực tiếp nuôi dưỡng. Do cháu Quỳnh Chi được giao cho chị Huyền nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử cần buộc anh Tiến, ông Tửu, bà Nga giao cháu Quỳnh Chi cho chị Huyền trực tiếp nuôi dưỡng, giao ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con, do chị Huyền không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày, anh Tiến thừa nhận những mâu thuẫn mà chị Huyền trình bày, anh xin đến cuối năm 2017 sẽ đoàn tụ nhưng chị Huyền cũng phải sửa đổi thì anh sẽ sửa đổi để hàn gắn như vậy, anh Tiến không có thiện chí trong việc vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huyền. Về con chung, chị Huyền tha thiết được nuôi dưỡng cháu Quỳnh Chi, chị có đủ điều kiện để được nuôi cháu Chi tốt nhất, hiện chị đang công tác tại Chi cục thuế quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh, có thu nhập và nơi ở ổn định, hơn nữa cháu Quỳnh Chi, sinh ngày 18/3/2015 hơn 02 tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Huyền được nuôi dưỡng cháu Quỳnh Chi, không yêu cầu anh Tiến cấp dưỡng nuôi con.

**Về tài sản chung và nợ chung:** chị Huyền, anh Tiến khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**Về án phí:** Chị Huyền phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu Huyền.**

- **Về tình cảm:** Cho chị Nguyễn Thị Thu Huyền được ly hôn với anh Đình Nguyễn Nhật Tiến.

- **Về con chung:** Giao cho chị Nguyễn Thị Thu Huyền được nuôi dưỡng con chung tên Đình Ngọc Quỳnh Chi, sinh ngày 18/3/2015. Chị Huyền không yêu cầu anh Tiến cấp dưỡng nuôi con.

Buộc anh Đinh Nguyễn Nhật Tiến, ông Đinh Văn Tửu và bà Nguyễn Thị Nga có nghĩa vụ giao cháu Quỳnh Chi cho chị Huyền nuôi dưỡng, giao ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

**- Về án phí HNST:**

Chị Nguyễn Thị Thu Huyền phải chịu số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng chị được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đồng theo biên lai số 34889 ngày 13/2/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo. Như vậy, chị Huyền đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Tửu kháng cáo kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Án tuyên và kết thúc cùng ngày./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**\* Nơi nhân:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- C.c. THADS huyện CG ;
- Đương sự (để thi hành);
- UBND xã Anh Thạnh Thủy;.
- Lưu hồ sơ.

**Phan Thanh Bình**



